TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 4 - 2019
V/v: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Dương Văn Hôm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Ngọc Lợi
2. Ông Nguyễn Chí Bền

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST - HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 13 tháng 3 năm 2019. Giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Mỹ L, sinh năm: 1989; hộ khẩu thường trú: Ấp Hòa Kháng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Ấp Hòa Phú, xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh Kiều Công Th, sinh năm: 1987; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Kháng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà âu Thị L, sinh năm: 1960; địa chỉ cư trú: Ấp Hòa Kháng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đinh Mỹ L trình bày:

Chị và anh Kiều Công Th do mai mối mới quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/5/2012.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng chung sống với cha mẹ chồng, mẹ chồng chị luôn khó khăn hà khắc với chị, chồng chị không quan tâm gì đến chị. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2018 cho đến nay. Trong quá trình chị và chồng ly thân với nhau thì cha mẹ chồng và chồng chị có đến trường học của con giành đón

con, trong khi giành giật con anh Th và gia đình của anh còn đánh đập chị, sau sự việc trên con chị bị chấn thương phổi và tinh thần rất hoản loạn. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị xin được ly hôn.

Trong quá trình chung sống chị và anh Th có một con chung tên Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013, hiện con đang chung sống với chị Linh.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Chị có cho mẹ chồng là bà âu Thị L mượn số vàng là 05 (năm) chỉ vàng 24k loại 9999. Mẹ chồng đã trả cho chị 02 (hai) chỉ vàng còn lại 03 (ba) chỉ vàng.

Nay chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th. Về con chung: Chị Lyêu cầu được quyền chăm sóc và nuôi dưỡng con tên Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013, yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Chị Lkhông yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị Lvà bà Lệ đã tự thỏa thuận với nhau xong nay chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Kiều Công Th trình bày: Anh và chị Đinh Mỹ L do mai mối mới quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý và đi đến hôn nhân với nhau vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 17/5/2012.

Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Bản thân anh luôn lo làm ăn để chăm lo cho vợ con. Anh không có giành giật con và đánh vợ như lời chị Lđã trình bày. Trong khi vợ chồng sống ly thân với nhau thì anh và cha mẹ anh có đến thăm con nhưng chị Lkhông cho thăm.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013, hiện con đang chung sống với chị Linh.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Th xác định lời trình bày của chị Lvề việc có cho mẹ ruột anh là bà âu Thị L mượn số vàng là 05 (năm) chỉ vàng 24k loại 9999. Bà Lệ đã trả cho chị L02 (hai) chỉ vàng còn lại 03 (ba) chỉ vàng là đúng sự thật.

Nay anh Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Anh không đồng ý ly hôn với chị Lvì anh còn thương vợ, anh xin được đoàn tụ về chung sống với chị Lđể chăm lo cho con.

Nếu chị Lcương quyết ly hôn thì anh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Về con chung: Anh Th yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con tên Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013, không yêu cầu chị Lphải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ chung: Anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Âu Thị Lệ trình bày: Bà thừa nhận vào khoảng năm 2017 bà có mượn của vợ cồng anh Th, chị Lsố vàng là 05 (năm) chỉ vàng 24k loại 9999. Đến năm 2018 bà có trả cho con chị L02 (hai) chỉ vàng 24k loại 9999, còn lại 03 (ba) chỉ vàng 24k loại 9999 đến nay bà chưa trả cho chị Linh

Nay vợ chồng con bà ly hôn và yêu cầu bà chia đôi trả số vàng 03 (ba) chỉ vàng 24k loại 9999 thì bà không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Lkhởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Th nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – xin ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh Th với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Hòa Kháng, xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Lvà anh Th chung sống với nhau vào năm 2012, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Thuận, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 46/2012 vào ngày 17/5/2012. Do vậy việc kết hôn của chị Lvà anh Th đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Do đó khi có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng luật Hôn nhân gia đình năm 2014 để giải quyết.

Xét về mâu thuẫn giữa chị Lvà anh Th, lúc đầu chỉ là mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà các cặp vợ chồng thường mắc phải, HĐXX thấy rằng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong gia đình mà anh, chị không tìm hiểu nguyên nhân từ đâu để vợ chồng cùng nhau tìm cách dàn xếp, khắc phục, tháo gỡ những mâu thuẫn, để cùng nhau làm ăn chăm lo tương lai cho con của anh, chị sau này mới phải. Nhưng ở đây anh, chị đã không làm được điều đó mà để cho mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng cho đến nay, mà dẫn đến chị Lkhởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Th. Từ khi thụ lý vụ kiện Tòa án tiến hành mời hai bên hòa giải động viên anh, chị bỏ qua những mâu thuẫn nhỏ để tiếp tục đoàn tụ chung sống với nhau nhưng chị Lcương quyết xin ly hôn vì chị cho rằng gia đình chồng luôn hà khắc, khó khăn với chị, anh Th thiếu trách nhiệm với gia đình không quan tâm đến chị. Nên Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống giữa anh, chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài mà không thể tự hòa giải với nhau, đồng thời anh, chị có thời gian khắc phục mẫu thuẫn, nhưng không có kết quả. Nay chị Lcương quyết xin ly hôn chứ không đồng ý chung sống với anh Th nữa. Từ những cơ sở nhận định và phân tích trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Lvà anh Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc. Do đó, chị Lyêu cầu được ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

- Về con chung: Chị Lvà anh Th xác định anh, chị có 01 con chung tên Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013. Hiện con do chị Lchăm sóc và nuôi dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Lvà anh Th đều yêu cầu xin được quyền nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Huy.

Xét yêu cầu của chị Lyêu cầu được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 03/6/2013 là có căn cứ chấp nhận - Bỡi lẽ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị Lhiện nay cháu Huy đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị Lcũng có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Huy. Mặc khác, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay con do chị Lchăm sóc và nuôi dưỡng xét về mặt tâm lý thì tình cảm của con gần gủi và mến mẹ nhiều hơn, sự tận tụy, chu đáo chăm sóc yêu thương của người mẹ sẽ đảm bảo cho sự phát triển của con nhiều hơn về mọi mặt, cháu Huy chung sống với mẹ sẽ thuận tiện hơn khi cháu Huy trưởng thành về tâm sinh lý sau này. Do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu Huy cho chị Lchăm sóc và nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu sau này anh Th xét thấy chị Lkhông chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huy được tốt thì anh Th có thể khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin thay đổi quyền nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Linh: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*.

Về mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng:

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình về mức cấp dưỡng quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*. Tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình về phương thức cấp dưỡng quy định: *"Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần"*. Do các bên không tự thỏa thuận được mức cấp dưỡng nuôi con nên mức cấp dưỡng nuôi con sẽ do Tòa án quyết định. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo cho cuộc sống của cháu Huy thì mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương cơ sở hiện nay là phù hợp. Hiện nay mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là 1.390.000 đồng/tháng. Xử buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Huy mỗi tháng là 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi (*trừ trường hợp thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật*). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2019 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh Th có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Về tài sản và nợ chung: Tại phiên tòa chị Linh, anh Th và bà Lệ xác định các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lyêu cầu xin ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Anh Th phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng)

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 2, 3+

Điều 82, Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Mỹ L và anh Kiều Công Th.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Khánh Huy, sinh ngày: 06/6/2012 cho chị Đinh Mỹ L tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật). Anh Kiều Công Th có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền cản trở.

Anh Th phải cấp dưỡng nuôi cháu Huy mỗi tháng là 695.000 đồng (sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi, trừ trường hợp thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con hoặc thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 19/4/2019 (dl), mỗi tháng cấp dưỡng một lần, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lyêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0007430 ngày 28/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh Th phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 19/4/2019.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.